

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2022

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Hoa Vinh**;

2. Ông **Đỗ Thiết Lập**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thái Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 292/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Công T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nơi làm việc: Tổ A1, ấp B1, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 12/4/2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, do không hiểu biết pháp luật, đến thời gian sau này do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà cũng không muốn đăng ký kết hôn. Bà và ông T phát sinh mâu thuẫn cách đây đã 10 năm, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông T thường xuyên ghen tuông, tuy còn sống chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai. Thường ngày ông T đi làm tại cửa hàng Ấc quy ở ấp A1, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh đến tối thì ông T về nhà ngủ. Trước đây bà cũng có nộp đơn ly hôn một lần, tại Tòa án ông T cũng không đồng ý ly hôn, do thời điểm đó con gái của ông bà sinh con nên bà phải thăm nuôi, Tòa án đã triệu tập họp lệ bà 02 lần nhưng bà không đi được nên Tòa án đã đình chỉ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông bà có hai 02 con chung tên Lê Thanh T, sinh năm 1996 và Lê Thị Ngọc T, sinh năm 2000 đều đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Công T trình bày:

Ông bà chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, do không hiểu biết pháp luật đến thời gian sau này do các con đã lớn nên ông bà cũng không đăng ký kết hôn. Ông và bà D chung sống hạnh phúc đến nay không có mâu thuẫn, bà D có nói cho ông biết là bà D có lỗi với ông nên muốn được ly hôn, lỗi như thế nào thì ông không biết. Vào năm 2019 bà D có làm đơn ly hôn một lần, ông có đến Tòa án để làm việc, sau đó do bận chăm sóc cháu ngoại nên bà D không đến Tòa án theo giấy triệu tập, do đó Tòa án đã đình chỉ giải quyết. Đến nay lý do tại sao bà D tiếp tục làm đơn ly hôn thì ông không biết. Từ trước đến nay ông chưa từng đánh bà D. Ông có uống rượu nhưng không say xỉn. Việc bà D trình bày lý do ly hôn với ông như trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2021 là không đúng. Nay ông xin Tòa án cho ông thời gian 03 tháng để được hòa giải với bà D, nếu hết thời hạn 03 tháng mà bà D vẫn cương quyết ly hôn thì ông sẽ đồng ý. Lý do ông xin Tòa án cho ông thời gian 03 tháng để ông có thể tìm hiểu nguyên nhân bà D ly hôn với ông, nếu Tòa án không chấp nhận thì ông cũng không có ý kiến gì.

Về con chung: Ông bà có hai 02 con chung tên Lê Thanh T, sinh năm 1996 và Lê Thị Ngọc T, sinh năm 2000 đều đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T.

- Con chung đã thành niên bà D và ông T đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà D vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D, ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà D và ông T đều thừa nhận chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn đến nay không hàn gắn được. Tuy còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Vì thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà D xin ly hôn với ông T, phía ông T không đồng ý ly hôn. Xét thấy, ông bà chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Nay do mâu thuẫn với nhau trong một khoảng thời gian dài không điều hòa được. Bà D không còn tình cảm với ông T và cương quyết ly hôn dù đã được động viên, hòa giải đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9 và 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Lê Thanh T, sinh năm 1996 và Lê Thị Ngọc T, sinh năm 2000 đều đã thành niên, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử:

1-Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Ngọc D và ông Lê Công T.

2-Về con chung: Hai con chung tên Lê Thanh T, sinh năm 1996 và Lê Thị Ngọc T, sinh năm 2000 đều đã thành niên, bà Lê Thị Ngọc D và ông Lê Công T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

3-Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc D và ông Lê Công T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4-Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001928 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà Lê Thị Ngọc D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà D và ông T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Bùi Văn Cường